

Số: 04/2019/TPB.HĐQT

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM

- Tên tổ chức: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong
- Mã chứng khoán: TPB
- Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà TPBank, Số 57, Phố Lý Thường Kiệt, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: 024. 37688998
- Fax: 024. 37688979
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Lê Quang Tiến
Chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Loại thông tin công bố: ☐ định kỳ ☒ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu**Nội dung thông tin công bố:** Công bố tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng vào ngày 18/01/2019 tại đường dẫn: <https://tpb.vn/nha-dau-tu/thong-bao-co-dong>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu VP. HĐQT

Đại diện tổ chức
Người UQ CBTT
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

**Lê Quang Tiến**

PHIẾU LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG

Họ và tên cổ đông:

Số CMND/ĐKKD:

Địa chỉ:

Điện thoại:

VẤN ĐỀ LẤY Ý KIẾN		SỐ LƯỢNG CP BIỂU QUYẾT:		
		TÁN THÀNH	KHÔNG TÁN THÀNH	KHÔNG CÓ Ý KIẾN
1	Sửa đổi Điều lệ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong			
2	Ban hành mới Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị			
3	Sửa đổi Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát			

**Đỗ Minh Phú**

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

Cổ đông

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Phương thức cho ý kiến: Quý cổ đông cho ý kiến bằng cách đánh dấu "x" vào 01 trong 03 ô biểu quyết tương ứng cho từng vấn đề nêu trên.
- Thời hạn gửi ý kiến: Đề nghị Quý cổ đông gửi Phiếu lấy ý kiến **trước 17h00 ngày 28/01/2019** đến địa chỉ sau:
Văn phòng HĐQT - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong
Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà TPBank, Số 57, Phố Lý Thường Kiệt, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Điện thoại: (84-24) 3768 8998 Fax: (84-24) 3768 8979
- Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng phải được đựng trong phong bì dán kín.

TỜ TRÌNH

(V/v: Sửa đổi Điều lệ Ngân hàng, Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị và Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát)

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản sửa đổi, bổ sung/hướng dẫn thi hành Luật này;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này;
- Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Căn cứ Điều lệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong;
- Căn cứ Nghị quyết số 23/2018/NQ-TPB.HĐQT của Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ngày 25/12/2018 về việc Thông qua chủ trương xin ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Kính gửi Quý Cổ đông

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (TPBank) được thành lập vào ngày 05/05/2008 và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 06/06/2008. Trong quá trình hoạt động, Điều lệ Ngân hàng, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS) luôn được xác định là những văn bản pháp lý quan trọng nhất trong cơ cấu hệ thống văn bản nội bộ để điều chỉnh các vấn đề trong tổ chức và hoạt động của TPBank.

Sau một thời gian được ban hành và áp dụng, trước sự phát triển không ngừng của TPBank và những thay đổi trong hệ thống văn bản pháp luật như Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 và gần đây là quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-NHNN của Thống đốc NHNN, các văn bản nêu trên đã được rà soát, bổ sung một số nội dung quan trọng để đáp ứng các quy định của pháp luật.

Do đó, HĐQT TPBank kính trình Quý cổ đông xem xét, thông qua một số nội dung như sau:

1. Sửa đổi Điều lệ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (chỉ tiết theo tài liệu đính kèm).

2. Ban hành mới Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị (chi tiết theo tài liệu đính kèm).
3. Sửa đổi Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát (chi tiết theo tài liệu đính kèm).

Đề nghị Quý Cổ đông cho ý kiến biểu quyết theo **Phiếu lấy ý kiến** đính kèm Tờ trình này.
Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- BKS (để b/c);
- Lưu VP.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Số: /2019/NQ-TPB.ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

DỰ THẢO**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN TIỀN PHONG**Dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản sửa đổi, bổ sung/ hướng dẫn thi hành Luật này;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này;
- Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Căn cứ Điều lệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số /2019/BBKP-TPB.ĐHĐCĐ ngày /01/2019.

QUYẾT NGHỊ:**Điều 1:** Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong.**Điều 2:** Thông qua việc ban hành mới Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị.**Điều 3:** Thông qua việc sửa đổi Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát.**Điều 4:** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Ông/Bà Chủ tịch, Ủy viên Hội đồng Quản trị và các cá nhân, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 4(đề t/h);
- BKS, cổ đông (để biết);
- Lưu VP.HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**Đỗ Minh Phú**

BẢNG TỔNG HỢP NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
1	Chưa có nội dung này	<p>Bổ sung, sửa đổi một số Khoản tại 53. Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT:</p> <p>- Bổ sung khoản 7 như sau: “7. Thông qua việc cấp tín dụng đối với các trường hợp sau:</p> <p>a) Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên đang kiểm toán tại TPBank; thanh tra viên đang thanh tra tại TPBank;</p> <p>b) Kế toán trưởng của TPBank;</p> <p>c) Cổ đông lớn, cổ đông sáng lập;</p> <p>d) Doanh nghiệp có một trong những đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 126 của Luật Các TCTD sở hữu trên 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó;</p> <p>đ) Người thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng;</p> <p>e) Các công ty con, công ty liên kết của TPBank hoặc doanh nghiệp mà TPBank nắm quyền kiểm soát”.</p> <p>- Sửa đổi khoản 13 như sau: “13. Thực hiện giám sát của quản lý cấp cao đối với TGD và các hoạt động của TPBank theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng.</p> <p>- Sửa đổi khoản 32 như sau: “ 32. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, HĐQT được ủy quyền, phân cấp, phân quyền cho các đơn vị, bộ phận và các cá nhân của Ngân hàng thực hiện các công việc phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, bộ phận và cá nhân đó”.</p>	<p>Căn cứ Điều 127 Luật Các TCTD 2010; Điều 12 Thông tư số 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 của NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 của NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của NHTM, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Thông tư 13)</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
		- Sửa đổi lại số thứ tự từ khoản 7 – khoản 31 (7, 8...30, 31) thành khoản 8 – khoản 32 (8, 9 ...31, 32) và sửa đổi số thứ tự khoản 32 thành khoản 33.	
2	Chưa có nội dung này	Bổ sung, sửa đổi một số khoản tại Điều 62. Nhiệm vụ quyền hạn của BKS: - Bổ sung khoản 4 như sau: “4. Thực hiện giám sát của quản lý cấp cao đối với kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của TPBank”. - Sửa đổi số thứ tự từ khoản 4 – khoản 11 (4, 5, 6...10, 11) thành khoản 5 - khoản 12 (5, 6, 711, 12).	Căn cứ Khoản 1 Điều 13 Thông tư 13/2018/TT-NHNN: <i>Giám sát của quản lý cấp cao đối với kiểm toán nội bộ của NHTM</i>
3	8. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ngân hàng trình HĐQT hoặc ĐHĐCĐ quyết định theo thẩm quyền.	- Bổ sung nội dung vào Khoản 8 Điều 69. Nhiệm vụ và quyền hạn của TGD: 8. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ngân hàng trình HĐQT hoặc ĐHĐCĐ quyết định theo thẩm quyền; <i>quyết định thành lập, quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị giúp việc của TGD theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của TPBank.</i> - Bổ sung Khoản 14 vào Điều 69. Nhiệm vụ và quyền hạn của TGD: “14. Thực hiện giám sát của quản lý cấp cao đối với các cá nhân, bộ phận của TPBank theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của TPBank.” - Sửa đổi số thứ tự khoản 14 thành khoản 15.	Căn cứ Khoản 3 Điều 9, Điều 11 Thông tư 13/2018/TT-NHNN: <i>Cơ cấu tổ chức của quản lý cấp cao của NHTM, Giám sát của quản lý cấp cao đối với quản lý rủi ro</i>

BẢNG THEO DÕI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Phiên bản cũ	Phiên bản hiện tại	Tình trạng
1	Điều 11 - Nhiệm vụ, quyền hạn của BKS Khoản 3; Khoản 7; Khoản 16	Điều 7 - Nhiệm vụ, quyền hạn của BKS Khoản 3: Bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn của BKS theo quy định tại Khoản 9, Điều 1 Luật sửa đổi Luật các TCTD và Khoản 3 Điều 62 Điều lệ. Khoản 7: Bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn của BKS theo quy định tại Khoản 1. Điều 22 Nghị định 71/2017/NĐ-CP. Khoản 16: Bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn của BKS theo quy định tại Khoản 1 Điều 13 Thông tư 13/2018/TT-NHNN.	Bổ sung
2	Không quy định	Điều 11 - Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên BKS Bổ sung Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên BKS theo Điều 67- Thông tư 13/2018/TT-NHNN.	Bổ sung
3	Điều 15 - Thù lao và chi phí khác của thành viên Ban Kiểm soát	Điều 14 - Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên BKS Thay đổi điều khoản: Thù lao và chi phí khác của thành viên BKS thành: Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên BKS theo Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều 66 Điều lệ.	Sửa đổi/ Bổ sung
4	Điều 18 - Các cuộc họp Ban Kiểm soát	Điều 16 - Cuộc họp của BKS Thay đổi quy định về Họp BKS theo Điều 23 Nghị định 71/2017/NĐ-CP, Điều 67 Điều lệ và Khoản 4 Điều 5 Thông tư 13.	Sửa đổi/ Bổ sung
5	Điều 21, Điều 22, Điều 23.	Điều 18 - Cơ chế phối hợp của BKS Điều chỉnh điều khoản về Mỗi quan hệ làm việc thành Cơ chế phối hợp của BKS theo Điều 65- Thông tư 13/2018/TT-NHNN, bao gồm phối hợp với HĐQT, Người điều hành, TGD, các đơn vị trong hệ thống Ngân hàng và quan hệ với cơ quan quản lý Nhà nước, cổ đông.	Sửa đổi/ Bổ sung

STT	Phiên bản cũ	Phiên bản hiện tại	Tình trạng
6	Không quy định	Điều 19 - Báo cáo hoạt động của BKS tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên Bổ sung điều khoản: Báo cáo hoạt động của BKS tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên theo Điều 10- Nghị định 71/2017/NĐ-CP.	Bổ sung
7		Và một số nội dung khác được điều chỉnh theo Điều lệ và quy định pháp luật có liên quan.	Sửa đổi/ Bổ sung

QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định về cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (TPBank).

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này áp dụng đối với các Thành viên Hội đồng Quản trị và các đơn vị, cá nhân có liên quan trên toàn hệ thống TPBank.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và chữ viết tắt

1. Giải thích từ ngữ:

a) Ngân hàng: Là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong.

b) Ban Điều hành: bao gồm: Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc/Trưởng các Khối/Ban/Phòng tại Hội sở báo cáo trực tiếp Tổng Giám đốc và các nhân sự khác do Tổng Giám đốc quyết định tại từng thời điểm.

c) Điều lệ: Là văn bản nội bộ, trong đó quy định về cơ cấu tổ chức, quyền, nghĩa vụ, chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của TPBank, được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm nhằm đảm bảo phù hợp với các quy định có liên quan của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Ngân hàng.

d) Quy định nội bộ: Là Điều lệ, Quy chế, Quy định, Quy trình và hệ thống các văn bản nội bộ khác của TPBank.

đ) Chánh Văn phòng Hội đồng Quản trị kiêm Thư ký Hội đồng Quản trị: Là người giúp việc của Hội đồng Quản trị, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng.

2. Các từ viết tắt :

a) ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông

b) HĐQT: Hội đồng Quản trị

c) NHNN: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

d) TPBank/Ngân hàng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong

Điều 3. Văn bản liên quan

1. Văn bản bên ngoài:

STT	Tên văn bản	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành
1	Luật Các Tổ chức tín dụng	47/2010/QH12	16/06/2010
2	Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các Tổ chức tín dụng	17/2017/QH14	20/11/2017
3	Luật Doanh nghiệp	68/2014/QH13	26/11/2014
4	Thông tư quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	13/2018/TT-NHNN	18/05/2018

2. Văn bản nội bộ:

STT	Tên văn bản	Số hiệu văn bản	Mã văn bản	Ngày ban hành
1	Điều lệ TPBank			29/06/2018

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động¹

1. HĐQT là cơ quan quản trị của Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2. Chủ tịch HĐQT phân công trách nhiệm cho các Thành viên HĐQT để triển khai thực hiện kế hoạch, phương án hoạt động và những chức năng, nhiệm vụ khác của HĐQT.

3. Các Thành viên HĐQT tự chịu trách nhiệm về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm tập thể trước pháp luật và/hoặc trước ĐHĐCĐ về các nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với tổ chức, hoạt động và sự phát triển của Ngân hàng.

4. HĐQT sử dụng con dấu của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

CHƯƠNG II

NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ, TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT

Điều 5. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ đối với thành viên HĐQT

1. Những người sau đây không được là thành viên HĐQT của TPBank :

a) Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên; Người đã bị kết án về tội xâm

¹ Điều 43 và Điều 62 Luật các TCTD 2010

phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích; Cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại tổ chức tín dụng; Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại tổ chức tín dụng;

b) Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

c) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng Giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;

d) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;

đ) Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 37 của Luật Các Tổ chức Tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;

g) Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với các hành vi vi phạm về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng.

h) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.

2. Người có liên quan của thành viên HĐQT không được là thành viên Ban kiểm soát của cùng tổ chức tín dụng;

3. Người có liên quan của Chủ tịch HĐQT không được là Tổng Giám đốc của cùng tổ chức tín dụng.

4. Cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh, chị, em của thành viên HĐQT và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của tổ chức tín dụng.

Điều 6. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ đối với thành viên HĐQT

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng không được đồng thời là người điều hành của tổ chức tín dụng đó và của tổ chức tín dụng khác. Thành viên Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức này là công ty con của tổ chức tín dụng đó hoặc là thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng đó.

2. Trưởng Ban kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát, người quản lý của tổ chức tín dụng khác. Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên của cùng một tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành tại tổ chức tín dụng.

3. Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và các chức danh tương đương của tổ chức tín dụng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của tổ chức tín dụng.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Thành viên HĐQT

1. Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 5 Quy chế này;
2. Có đạo đức nghề nghiệp;
3. Có bằng đại học trở lên;
4. Có ít nhất ba (03) năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất năm (05) năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong

ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất năm (05) năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về ngân hàng, tài chính, kế toán, kiểm toán.

5. Đối với Thành viên HĐQT độc lập:

- a) Các quy định nêu từ Khoản 1 đến Khoản 4 nêu trên;
- b) Không phải là người đang làm việc cho chính Ngân hàng hoặc Công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc Công ty con của Ngân hàng trong ba (03) năm liền kề trước đó;
- c) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng ngoài những khoản phụ cấp của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;
- d) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là Cổ đông lớn của Ngân hàng, Người quản lý hoặc thành viên BKS của Ngân hàng hoặc Công ty con của Ngân hàng;
- đ) Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% Vốn Điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng; không cùng với người có liên quan sở hữu từ 5% Vốn Điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;
- e) Không phải là Người quản lý, thành viên BKS của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong năm (05) năm liền kề trước đó.

Điều 8. Đương nhiên mất tư cách đối với Thành viên HĐQT

1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách đối với Thành viên HĐQT:

- a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết;
- b) Vi phạm quy định về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Điều 5 Quy chế này;
- c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của Ngân hàng khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;
- d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
- đ) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- e) Khi Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động.

2. HĐQT phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc các đối tượng đương nhiên mất tư cách theo quy định tại Khoản 1 Điều này gửi NHNN trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng trên đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.

3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên HĐQT phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 9: Bãi nhiệm, miễn nhiệm đối với Thành viên HĐQT

1. Chủ tịch và thành viên HĐQT của Ngân hàng bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- b) Có đơn xin từ chức gửi HĐQT Ngân hàng;
- c) Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- d) Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 7 Quy chế này;
- đ) Thành viên độc lập của HĐQT không bảo đảm yêu cầu về tính độc lập;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ và của pháp luật.

2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch và thành viên HĐQT của Ngân hàng phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

3. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại Khoản 1 Điều này, HĐQT Ngân hàng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN.

Điều 10: Công khai lợi ích liên quan của Thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT phải công khai với Ngân hàng các thông tin sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% Vốn Điều lệ trở lên;

b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và Người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc).

2. Việc công khai thông tin quy định tại Khoản 1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.

3. Ngân hàng phải công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này định kỳ hằng năm cho ĐHCĐ của Ngân hàng và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

4. Ngân hàng phải thông báo bằng văn bản cho NHNN các thông tin quy định tại Khoản 1 Điều này trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin công khai theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 11: Đình chỉ và tạm đình chỉ chức danh HĐQT

1. NHNN có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của các chức danh Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT khi vi phạm quy định tại Điều 6 Quy chế này, quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.

2. Ban kiểm soát đặc biệt có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT khi Ngân hàng bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt nếu xét thấy cần thiết.

3. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này phải có trách nhiệm tham gia xử lý tồn tại và vi phạm liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của NHNN, HĐQT, BKS của Ngân hàng hoặc BKS đặc biệt.

Điều 12: Thể thức bầu Thành viên HĐQT

1. Trước khi tiến hành họp ĐHCĐ tối thiểu ba mươi (30) ngày, HĐQT phải thông báo cho các cổ đông có quyền dự họp ĐHCĐ về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào HĐQT, trong đó dự kiến số lượng thành viên HĐQT độc lập (trường hợp chưa bầu thành viên HĐQT độc lập hoặc chưa đủ số thành viên tối thiểu theo quy định); đồng thời thông báo các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các cổ đông đề cử người giữ các chức danh này theo quy định của pháp luật.

2. Trên cơ sở danh sách đề cử của các cổ đông đối với các chức danh này, HĐQT thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn; lập Danh sách ứng cử viên cho các chức danh dự kiến bầu. Trường hợp các cổ đông không đề cử đủ số lượng ứng cử viên đối với thành viên HĐQT (bao gồm cả thành viên HĐQT độc lập) hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, HĐQT sẽ đề cử ứng cử viên bổ sung, thay thế đối với các chức danh này. Đối với các ứng cử viên không đảm bảo điều kiện theo quy định, HĐQT thông báo cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử của ứng cử viên này biết rõ lý do.

3. Sau khi lập Danh sách ứng cử viên, HĐQT có văn bản đề nghị NHNN xem xét, chấp thuận Danh sách này.

4. ĐHCĐ quyết định số lượng thành viên HĐQT được bầu và tiến hành bầu những người có tên trong Danh sách ứng cử viên đã được NHNN chấp thuận. Ngân hàng có thể lập danh sách đề cử và tiến hành bầu riêng thành viên HĐQT độc lập. Trong trường hợp này, việc bầu thành viên HĐQT độc lập được tiến hành như việc bầu các thành viên HĐQT khác.

5. Thành viên HĐQT bắt đầu thực hiện nhiệm vụ kể từ khi ĐHĐCĐ bầu các chức danh này và tiếp quản công việc; phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ của mình trong thời gian đương nhiệm.

6. Ngân hàng phải thông báo cho NHNN danh sách những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên HĐQT trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày bầu, bổ nhiệm.

CHƯƠNG III

QUY ĐỊNH TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Điều 13 : Cơ cấu tổ chức và nhiệm kỳ của HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT phải có không ít hơn năm (05) thành viên và không quá mười một (11) thành viên, trong đó có ít nhất 01 (một) thành viên độc lập. HĐQT phải có ít nhất một phần hai (1/2) tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng.

2. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia HĐQT, nhưng không được vượt quá một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT của Ngân hàng, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước.

3. Nhiệm kỳ của HĐQT không quá năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung hoặc thay thế thành viên HĐQT bị đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

4. Trường hợp số thành viên HĐQT không đủ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của Điều lệ thì trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Ngân hàng phải bổ sung đủ số lượng thành viên HĐQT.

5. HĐQT có Thư ký để giúp việc cho HĐQT. Chức năng, nhiệm vụ của Thư ký do HĐQT quy định.

6. HĐQT phải thành lập các Ủy ban để giúp HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban Quản lý Rủi ro và Ủy ban Nhân sự. HĐQT quy định nhiệm vụ và quyền hạn của hai (02) Ủy ban này theo hướng dẫn của NHNN.

7. HĐQT thành lập Ủy ban Điều hành (sau đây gọi là EXCO), trực thuộc HĐQT, bao gồm các thành viên HĐQT chuyên trách do HĐQT hoặc người được HĐQT ủy quyền quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm.

Điều 14: Nhiệm vụ và Quyền hạn của HĐQT²

1. Chịu trách nhiệm triển khai việc thành lập, khai trương hoạt động của Ngân hàng sau cuộc họp ĐHĐCĐ đầu tiên.
2. Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
3. Trình ĐHĐCĐ quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật có liên quan và quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
4. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.
5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng, Thư ký HĐQT và Người quản lý, Người điều hành khác theo quy định nội bộ của HĐQT.
6. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% Vốn Điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
7. Thông qua việc cấp tín dụng đối với các trường sau³:
 - a) Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên đang kiểm toán tại TPBank; thanh tra viên đang thanh tra tại TPBank;
 - b) Kế toán trưởng của TPBank;
 - c) Cổ đông lớn, cổ đông sáng lập;
 - d) Doanh nghiệp có một trong những đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 126 của Luật Các TCTD sở hữu trên 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó;
 - đ) Người thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng;
 - e) Các công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp mà tổ chức tín dụng nắm quyền kiểm soát.
8. Cử người đại diện vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
9. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng từ 10% trở lên so với Vốn Điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng quy định tại điểm p) Khoản 2 Điều 28 Điều lệ Ngân hàng.
10. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại Khoản 7 Điều 128 của Luật Các Tổ chức Tín dụng, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ quy định tại điểm q) Khoản 2 Điều 28 Điều lệ Ngân hàng.
11. Thông qua các hợp đồng của Ngân hàng với Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng; các hợp đồng của Ngân hàng với thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, Cổ đông lớn, Người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% Vốn Điều lệ ghi trong báo

² Điều 63 Luật các TCTD 2010

³ Khoản 3 Điều 127 Luật các TCTD 2010

cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.

12. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo TGD thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hằng năm về hiệu quả làm việc của TGD.

13. Thực hiện giám sát của quản lý cấp cao đối với TGD, và các hoạt động của TPBank theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng.

14. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng phù hợp với các quy định của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của BKS hoặc của ĐHĐCĐ.

15. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng.

16. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.

17. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.

18. Đề nghị Thống đốc NHNN chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.

19. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại⁴; quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.

20. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng.

21. Quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng.

22. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

23. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình ĐHĐCĐ quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của BKS.

24. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ; triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ.

25. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

26. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD.

27. Quyết định cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và Công ty con của Ngân hàng.

28. Phê duyệt phương án hoạt động kinh doanh do TGD đề nghị.

29. Trích lập và sử dụng các quỹ, chia lợi tức cổ phần theo quyết định của ĐHĐCĐ.

⁴ Điểm b Khoản 2 Điều 149 LDN 2014

30. Chỉ định và bãi miễn những người có quyền đại diện của Ngân hàng.

31. Phê duyệt việc đầu tư không có trong kế hoạch kinh doanh và đầu tư ngân sách vượt quá 10% số ngân sách năm ghi trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách.

32. Quyết định việc cho thuê và/hoặc dùng tài sản (bất động sản, động sản, giấy tờ có giá, hợp đồng tiền gửi và các tài sản khác) của Ngân hàng để cầm cố, thế chấp, làm bảo đảm cho các nghĩa vụ phát sinh trong hoạt động của Ngân hàng theo quy định của pháp luật, bảo đảm có hiệu quả, an toàn và phát triển vốn.

33. Thông qua, trình ĐHĐCĐ xem xét, phê duyệt các giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ; phê duyệt những giao dịch thuộc thẩm quyền của HĐQT; ủy quyền, phân cấp, phân quyền cho các đơn vị, bộ phận và các cá nhân của Ngân hàng thực hiện các công việc phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, bộ phận và cá nhân đó (bao gồm cả phân cấp thẩm quyền phê duyệt các giao dịch) nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế về quản trị hoạt động ngân hàng trong từng thời kỳ⁵.

34. Phê duyệt chủ trương cung cấp sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc.

35. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ, ủy quyền của ĐHĐCĐ, quy định nội bộ của Ngân hàng và quy định của pháp luật.

Điều 15: Nhiệm vụ và Quyền hạn của Chủ tịch HĐQT⁶

1. HĐQT bầu một thành viên của HĐQT làm Chủ tịch. Chủ tịch HĐQT phải thường trú ở Việt Nam trong suốt nhiệm kỳ của mình⁷.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐQT

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
- b) Chỉ đạo chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT;
- c) Tổ chức việc thông qua quyết định của HĐQT;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;
- đ) Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ;
- e) Bảo đảm các thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà HĐQT phải xem xét;
- g) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT;
- h) Giám sát các thành viên HĐQT trong việc thực hiện các công việc được phân công và các quyền, nghĩa vụ chung;

⁵ Khoản 10 Điều 64 Luật các TCTD 2010, khoản 1 Điều 15 TT13/2018/TT-NHNN

⁶ Điều 64 Luật các TCTD 2010, Điều 152 LDN 2014

⁷ Khoản 2 Điều 150 LDN 2014

i) Ít nhất mỗi năm một lần đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của HĐQT và báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả đánh giá này;

k) Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Chủ tịch uỷ quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch hoặc một thành viên HĐQT thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình trong thời gian Chủ tịch vắng mặt và thông báo cho các thành viên của HĐQT và TGD ngân hàng biết về việc uỷ quyền này. Nếu Chủ tịch vắng mặt mà không uỷ quyền hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình thì các thành viên còn lại bầu một Phó chủ tịch tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT. Trường hợp Chủ tịch HĐQT và Phó Chủ tịch tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT đều vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình thì các thành viên còn lại của HĐQT bầu một người khác trong số họ để tạm giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số.

4. Trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn với tư cách đại diện theo pháp luật của Ngân hàng, Chủ tịch HĐQT được uỷ quyền cho Tổng Giám đốc ký và thực hiện các công việc nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế về hoạt động ngân hàng trong từng thời kỳ.

Điều 16: Nhiệm vụ và quyền hạn của Thành viên HĐQT⁸

1. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo đúng quy chế nội bộ của HĐQT và sự phân công của Chủ tịch HĐQT một cách trung thực vì lợi ích của Ngân hàng và cổ đông.

2. Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu Người điều hành Ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.

3. Đề nghị Chủ tịch HĐQT triệu tập cuộc họp HĐQT bất thường.

4. Tham dự các cuộc họp HĐQT, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo quy định của pháp luật và của Điều lệ này, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về quyết định của mình.

5. Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và của HĐQT.

6. Có trách nhiệm giải trình trước ĐHĐCĐ, HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu.

7. Thành viên HĐQT không tham gia xem xét, phê duyệt các quyết định có rủi ro thuộc chức năng, nhiệm vụ của Tổng Giám đốc, trừ trường hợp thành viên HĐQT là Tổng Giám đốc⁹.

8. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định nội bộ của Ngân hàng, của Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật có liên quan.

⁸ Điều 65 Luật các TCTD 2010

⁹ Tiết (1) Điểm b Khoản 1 Điều 15 Thông tư 13/2018/TT-NHNN

Điều 17. Hợp HĐQT¹⁰

1. Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

2. HĐQT có thể họp định kỳ hoặc bất thường. HĐQT có thể họp tại trụ sở chính của Ngân hàng hoặc ở nơi khác.

3. Cuộc họp của HĐQT do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

4. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT khi có một trong những trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của BKS hoặc thành viên HĐQT độc lập;
- b) Có đề nghị của TGD hoặc ít nhất năm (05) Người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên điều hành của HĐQT;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

5. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng; người đề nghị có quyền thay thế HĐQT triệu tập họp HĐQT.

6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Ngân hàng.

7. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên BKS như đối với thành viên HĐQT. Thành viên BKS có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số

¹⁰ Điều 153 LDN 2014

thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

9. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Điều lệ này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Nghị quyết của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

12. HĐQT thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết¹¹.

Điều 18. Biên bản họp HĐQT¹²

1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

¹¹ Khoản 3 Điều 149 LDN 2014

¹² Điều 154 LDN 2014

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Các vấn đề đã được thông qua;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

k) Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

2. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 19. Cơ chế thông qua các quyết định của HĐQT

1. HĐQT làm việc và quyết định các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình thông qua các cuộc họp hoặc thông qua việc lấy ý kiến các Thành viên bằng văn bản.

2. Chủ tịch HĐQT triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp bất kỳ khi nào phát sinh các vấn đề, công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của HĐQT và cần phải giải quyết ngay. Trong trường hợp này, Thư ký HĐQT có trách nhiệm thông báo lịch họp đến các Thành viên và những người có liên quan.

3. HĐQT có thể họp tại trụ sở chính của TPBank hoặc ở nơi khác. Cuộc họp của HĐQT có thể được tổ chức bằng hình thức gặp mặt, họp qua điện thoại (teleconference) hoặc họp qua truyền hình trực tuyến (videoconference) hoặc các phương thức phù hợp khác. Thông báo triệu tập họp hoặc Phiếu lấy ý kiến phải được gửi tới tất cả các Thành viên HĐQT.

4. Nội dung các cuộc họp của HĐQT phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ ý kiến của từng Thành viên, các quyết định được thông qua và chữ ký của các Thành viên dự họp.

5. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT (hoặc trích lục) được phép đóng dấu của TPBank.

6. Hình thức họp

6.1. Cuộc họp của HĐQT có thể được tổ chức theo một trong số các hình thức sau đây:

a) Họp tập trung:

- Là cuộc họp mà vào cùng một thời điểm, các Thành viên HĐQT và các cá nhân liên quan cùng thảo luận, trao đổi ý kiến và biểu quyết quyết định nội dung cuộc họp bằng cách trực tiếp gặp mặt hoặc thông qua các phương tiện liên lạc như điện thoại (teleconference), họp trực tuyến (videoconference), phần mềm ứng dụng... hoặc kết hợp các phương thức này.

- Địa điểm họp là địa điểm mà các Thành viên HĐQT tập họp và thảo luận, trao đổi ý kiến, biểu quyết quyết định nội dung cuộc họp.

b) Họp không tập trung:

- Là cuộc họp mà các Thành viên HĐQT và các cá nhân liên quan không nhất thiết phải có mặt vào cùng một thời điểm hoặc cùng một địa điểm, việc trao đổi ý kiến giữa các thành viên được thực hiện thông qua các phương tiện liên lạc như điện thoại, thư điện tử v.v...

- Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như trên được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó.

- Địa điểm họp chính thức của cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà các thành viên nhất trí hoặc do Chủ tọa cuộc họp quyết định.

- Thời hạn để các Thành viên HĐQT thảo luận, biểu quyết quyết định nội dung cuộc họp được quy định trong Giấy mời họp/văn bản lấy ý kiến gửi các Thành viên HĐQT.

6.2. Các quyết định, nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp tập trung hoặc họp không tập trung sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng sau đó phải được xác nhận bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả Thành viên tham dự cuộc họp đó.

Điều 20: Lấy ý kiến các Thành viên HĐQT bằng văn bản

1. Trường hợp Chủ tịch HĐQT quyết định việc lấy ý kiến các Thành viên bằng văn bản, căn cứ quyết định của Chủ tịch, Thư ký có trách nhiệm:

- Soạn văn bản lấy ý kiến các Thành viên HĐQT trình Chủ tịch HĐQT ký;

- Gửi văn bản lấy ý kiến cùng các tài liệu liên quan cho tất cả các Thành viên có quyền biểu quyết của HĐQT;

- Báo cáo giải trình hoặc bổ sung tài liệu khi có đề nghị của Thành viên HĐQT;

- Căn cứ kết quả lấy ý kiến bằng văn bản do các Thành viên HĐQT gửi thông qua thư điện tử và/hoặc bản cứng, Thư ký lập biên bản kiểm phiếu để trình Chủ tịch HĐQT ký thông qua;

- Trong thời hạn tối đa bảy (7) ngày kể từ ngày Chủ tịch HĐQT ký văn bản lấy ý kiến, việc lấy ý kiến bằng văn bản phải được tổ chức hoàn thiện, lưu trữ hồ sơ đầy đủ theo quy định.

2. Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm tài liệu được gửi qua thư điện tử hoặc bản cứng, các Thành viên có trách nhiệm gửi ý kiến qua thư điện tử hoặc bản cứng cho Thư ký. Trường hợp gửi ý kiến qua thư điện tử, sau đó khi gửi ý kiến, các Thành viên có trách nhiệm ký bản cứng văn bản xin ý kiến gửi cho Thư ký. Quá thời hạn nêu trên mà Thành viên chưa có ý kiến trả lời thì được hiểu là Thành viên đó không có ý kiến. Ý kiến tại bản cứng không được khác với ý kiến gửi qua thư điện tử đã gửi trước đó.

3. Thành viên HĐQT có trách nhiệm đưa ra một trong các ý kiến: “đồng ý”, “không đồng ý”, “không có ý kiến”, bằng cách đánh dấu (x) hoặc viết chữ vào ô tương ứng. Những ý kiến bổ sung chỉ có tính chất tham khảo, Thư ký có trách nhiệm báo cáo về ý kiến này và trình Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định có đưa vào nghị quyết/quyết định của HĐQT hay không.

4. Nghị quyết của HĐQT trong trường hợp xin ý kiến bằng văn bản chỉ được thông qua khi được hơn 1/2 số Thành viên HĐQT chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

Điều 21. Quyền được cung cấp thông tin của Thành viên HĐQT¹³

1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu TGD, Phó TGD, người quản lý các đơn vị trong Ngân hàng cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và của các đơn vị trong Ngân hàng.

2. Người quản lý được yêu cầu cung cấp phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin thực hiện theo quy định của HĐQT.

Điều 22. Thù lao của Thành viên HĐQT¹⁴

1. Ngân hàng có quyền trả thù lao cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Thù lao của thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng, phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

Điều 23. Sử dụng tư vấn chuyên nghiệp

HQĐT và các Ủy ban của HĐQT có quyền thuê chuyên gia, tư vấn và kế toán độc lập (không phải nhân viên của Ngân hàng) làm các công việc cần thiết phù hợp với Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật để thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của mình.

Điều 24. Thư ký HĐQT và Văn phòng HĐQT

1. Thư ký HĐQT

¹³ Điều 155 LDN 2014

¹⁴ Điểm m khoản 1 Điều 31 Luật các TCTD 2010, Điều 158 LDN 2014

a) Chủ tịch HĐQT bổ nhiệm thư ký HĐQT. Chủ tịch HĐQT có thể bãi nhiệm thư ký vào bất cứ thời điểm nào tuy nhiên không được làm phương hại đến các yêu cầu bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng lao động giữa thư ký và Ngân hàng. Hai (02) hoặc nhiều người có thể được bổ nhiệm là đồng thư ký.

b) Chức năng và nhiệm vụ của thư ký bao gồm:

- Thông báo việc triệu tập các cuộc họp HĐQT theo đề nghị của Chủ tịch HĐQT hay của Ban kiểm soát;
- Ghi biên bản cuộc họp HĐQT;
- Tư vấn về thủ tục các cuộc họp HĐQT;
- Cung cấp thông tin cho các ủy viên HĐQT, thành viên BKS và cổ đông của Ngân hàng;
- Chức năng và nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐQT quy định phù hợp với quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành.

2. Văn phòng HĐQT

Văn phòng HĐQT do HĐQT thành lập gồm Thư ký HĐQT và các nhân viên giúp việc chuyên trách để giúp việc cho HĐQT. Chủ tịch HĐQT quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng HĐQT và số lượng, trách nhiệm của mỗi nhân viên.

Điều 25. Lưu trữ hồ sơ và tài liệu HĐQT

1. Hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức và hoạt động của HĐQT được lưu trữ và bảo mật tại Văn phòng HĐQT. Ủy viên HĐQT chỉ được phép tìm hiểu hồ sơ, tài liệu tại Văn phòng. Trong trường hợp có nhu cầu sao chụp hoặc mang những hồ sơ, tài liệu này ra khỏi Văn phòng thì phải có sự đồng ý của Chủ tịch HĐQT.

2. Các tài liệu, hồ sơ hoặc thông tin được Văn phòng HĐQT cung cấp theo yêu cầu riêng của ủy viên HĐQT phải là những tài liệu, thông tin liên quan đến công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của ủy viên đó.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày .../.../2019 và thay thế cho Quy chế số 73/2011/QĐ-TPB.HĐQT ngày 23/04/2011 của Hội đồng Quản trị về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị.

2. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ Quy chế này do Hội đồng Quản trị quyết định.

Điều 27. Tổ chức thực hiện

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm hướng dẫn thi hành và tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Các Ông (Bà) Thành viên Hội đồng Quản trị, các Đơn vị, cá nhân có liên quan trong hệ thống TPBank chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này./.

Nơi nhận:

- Như Khoản 2 Điều 27 (để thực hiện);
- HĐQT, BKS (để biết);
- RM, LC, QA, IA (để biết);
- Lưu VP.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

ĐỖ MINH PHÚ

